

BẢNG ĐIỂM KỶ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 05/4/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC4453	Nguyễn Trần Hoàng	Ấn	24/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	9,0	8,0	9,0	8,67	Đạt	
2	BKNC4454	Hồ Ngọc Phương	Anh	17/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,5	8,0	10,0	8,5	Đạt	
3	BKNC4455	Lê Thị Kim	Anh	15/04/2004	An Giang	7,33	7,5	8,5	7,0	7,67	Đạt	
4	BKNC4456	Lã Thị Thanh	Bình	14/01/2005	Ninh Bình	7,33	7,5	7,5	7,0	7,33	Đạt	
5	BKNC4457	Hồ Diễm	Chi	02/07/2004	Đồng Tháp	9,67	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
6	BKNC4458	Võ Thị Hồng	Đào	19/07/2001	Tây Ninh	10,0	7,5	7,5	8,0	7,67	Đạt	
7	BKNC4459	Huỳnh Văn	Đạt	25/02/2003	Đắk Lắk	8,33	7,5	8,5	8,0	8,0	Đạt	
8	BKNC4460	Phạm Ngọc	Diệp	09/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,5	8,5	8,0	8,0	Đạt	
9	BKNC4461	Võ Thị Thuý	Dung	21/04/2006	Thành phố Cần Thơ	10,0	8,0	8,5	10,0	8,83	Đạt	
10	BKNC4462	Lê Thị Hồng	Gấm	27/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,5	9,0	2,0	6,17	Không đạt	
11	BKNC4463	Lê Hiệp	Hải	04/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,5	8,5	1,0	5,67	Không đạt	
12	BKNC4464	Huỳnh Lê Bảo	Hân	27/01/2004	Đà Nẵng	9,0	7,5	9,0	5,5	7,33	Đạt	
13	BKNC4465	Nguyễn Thị	Hiền	23/09/2004	Thái Bình	9,33	7,5	8,5	7,0	7,67	Đạt	
14	BKNC4466	Nguyễn Xuân	Hoàng	26/05/2004	Nghệ An	7,33	7,5	8,0	5,0	6,83	Đạt	
15	BKNC4467	Trần Thị Phương	Hồng	14/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,5	8,5	9,5	8,5	Đạt	
16	BKNC4468	Lưu Quang	Khải	28/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	7,5	9,0	10,0	8,83	Đạt	
17	BKNC4469	Nguyễn Hoàng Duy	Khang	08/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,5	8,5	9,0	8,33	Đạt	
18	BKNC4470	Nguyễn Đăng	Khoa	21/10/2004	Quảng Trị	8,67	7,5	8,5	9,0	8,33	Đạt	
19	BKNC4471	Phan Phụng	Linh	30/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	7,5	9,0	9,0	8,5	Đạt	
20	BKNC4472	Trương Quế	Linh	09/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	7,5	7,0	3,0	5,83	Không đạt	
21	BKNC4473	Vương Hoài Bảo	Linh	19/10/2003	Bình Dương	5,0	9,0	8,5	5,0	7,5	Đạt	
22	BKNC4474	Phạm Đỗ Thị Cẩm	Ly	05/08/2006	Tây Ninh	10,0	9,0	8,5	9,0	8,83	Đạt	
23	BKNC4475	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	01/02/2004	Lâm Đồng	4,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Không đạt	không TH
24	BKNC4476	Trần Thị Thuý	Ngân	14/02/2004	Đắk Lắk	9,67	7,5	9,0	6,0	7,5	Đạt	
25	BKNC4477	Bùi Thị Yến	Nhi	08/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,5	8,0	5,5	7,0	Đạt	
26	BKNC4478	Phạm Huỳnh Yến	Nhi	31/07/2004	Đắk Lắk							Vắng
27	BKNC4479	Nguyễn Thị	Nhung	07/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,5	8,0	5,0	6,83	Đạt	
28	BKNC4480	Trần Long	Phụng	18/03/2004	Tây Ninh	9,0	7,5	9,0	6,0	7,5	Đạt	
29	BKNC4481	Giang Thiên	Phương	15/08/2002	Đồng Nai	8,33	7,5	9,0	6,0	7,5	Đạt	
30	BKNC4482	Đào Quang	Quý	17/05/2004	Tây Ninh							Vắng
31	BKNC4483	Phan Thị Tú	Quyên	14/06/2006	Gia Lai	9,33	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
32	BKNC4484	Phạm Thị Thảo	Sương	11/04/2004	Lâm Đồng	6,0	7,5	8,0	5,0	6,83	Đạt	
33	BKNC4485	Lê Văn	Thận	19/05/2004	Đồng Nai	7,0	7,5	9,0	5,0	7,17	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
34	BKNC4486	Phạm Chí	Thiện	20/06/2004	Hà Nội	5,0	7,5	9,0	7,0	7,83	Đạt	
35	BKNC4487	Nguyễn Thị Hoài	Thu	29/12/1979	Hà Tĩnh	8,67	7,5	9,0	8,0	8,17	Đạt	
36	BKNC4488	Ngô Nguyễn Ngọc Anh	Thư	07/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	9,5	8,5	6,0	8,0	Đạt	
37	BKNC4489	Trần Ngọc Thương	Thương	29/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	7,5	9,0	5,0	7,17	Đạt	
38	BKNC4490	Phan Nhật	Tiến	25/07/2004	Thành phố Cần Thơ	7,33	7,5	8,5	5,0	7,0	Đạt	
39	BKNC4491	Đỗ Thị Bích	Trâm	18/08/2004	An Giang	7,67	9,5	9,0	10,0	9,5	Đạt	
40	BKNC4492	Ngô Đình Bảo	Trâm	05/09/2004	Khánh Hòa	7,67	7,5	7,5	7,0	7,33	Đạt	
41	BKNC4493	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	26/10/2006	Quảng Ngãi	8,25	7,5	9,0	8,0	8,17	Đạt	
42	BKNC4494	Lưu Quỳnh	Trân	20/08/2001	Lâm Đồng	9,33	7,5	8,5	7,0	7,67	Đạt	
43	BKNC4495	Nguyễn Ngọc	Trang	05/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh							Vắng
44	BKNC4496	Vũ Hạ	Trang	21/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,0	9,0	8,0	8,67	Đạt	
45	BKNC4497	Nguyễn Võ Hà	Trang	25/11/2004	Đồng Nai	9,25	7,5	8,5	7,0	7,67	Đạt	
46	BKNC4498	Trần Ngọc Thanh	Uyên	23/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,25	7,5	8,5	8,0	8,0	Đạt	
47	BKNC4499	Lê Thị Ngọc	Vân	11/01/2002	Đắk Lắk	7,33	7,5	8,5	9,0	8,33	Đạt	
48	BKNC4500	Lê Thị Tường	Vi	30/05/2002	Vĩnh Long							Vắng

Ghi chú: Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN) ≥ 5 và Điểm thực hành 3 mô đun ≥ 5

Số lượng thí sinh: 48

Số thí sinh đạt: 40

Số lượng hiện diện: 44

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam